

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A**

Tỉnh Hậu Giang

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2017

V/v: *Tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành

2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Phan Bé L – sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp XM A, thị trấn RG, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
(có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Chị Trần Thị Thùy T– sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp XM, thị trấn RG, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/3/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phan Bé L trình bày: Anh và chị Trần Thị Thùy T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã TX vào năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, chị T bỏ đi từ tháng 02 năm 2013 và có về nhà cha mẹ ruột chứ không về nhà với cha con anh. Nay anh nhận thấy anh và chị T không thể hàn gắn tình cảm nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Thùy T có 02 con chung, cháu lớn tên Phan Thị Ng D (nữ), sinh ngày 17/7/2004 và cháu nhỏ tên Phan Thị K D (nữ), sinh ngày 07/9/2014. Hiện nay, cháu Ng D và cháu K D đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng, chị Trần Thị Thùy T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2017: Chị kết hôn với anh Phan Bé L vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TX, huyện Châu Thành A. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị mâu thuẫn với gia đình chồng, chị với mẹ chồng không hợp tính nhau. Nay chị xác định còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Về con chung: Chị xác định có 02 con chung là Phan Thị Ng D (nữ), sinh ngày 17/7/2004 và cháu Phan Thị K D (nữ), sinh ngày 07/9/2014. Hiện cháu Ng D và cháu KD đang sống chung với anh L. Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Ng D và cháu K D, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; về phía nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật kể từ khi giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến dự phiên hòa giải, cũng như đến dự phiên tòa bị đơn đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa để bị đơn nhờ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị

đơn. Tuy nhiên, đây là lần thứ hai Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến dự phiên tòa, bị đơn xin hoãn phiên tòa để nhờ luật sư là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với việc giải quyết vụ án: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T đều khai thống nhất anh chị đã đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Như vậy hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, anh L xác định vợ chồng bất đồng quan điểm, anh không còn tình cảm với chị T. Do vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L.

Về con chung: Anh L và chị T đều khai thống nhất anh chị có 02 con chung tên Phan Thị Ng D sinh ngày 17/7/2004 và Phan Thị K D sinh ngày 07/9/2014. Anh L yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp, bởi lẽ cháu Ng D có nguyện vọng được sống với cha, cháu K D tuy chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng khi cháu sinh ra được 06 tháng, chị T đã giao cho anh L nuôi dưỡng đến nay. Do vậy, để ổn định cuộc sống cho cháu KD đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K D.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận cho anh Phan Bé L được ly hôn với chị Trần Thị Thùy T. Giao cháu Ng D và cháu K D cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh L chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chị T chưa phải cấp dưỡng.

Về án phí Hôn nhân gia đình anh L phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Phan Bé L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thùy T, xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[2]. Về tố tụng dân sự: Đối với sự vắng mặt của chị Trần Thị Thùy T tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị T vẫn không đến dự. Mặc dù chị T có gửi đơn xin hoãn phiên tòa để nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tại phiên tòa, nhưng việc chị T xin hoãn không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có giấy đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh L và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh L làm đơn xin ly hôn. Chị T mặc dù không đồng ý ly hôn với lý do chị còn thương chồng, thương con nhưng chị không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án đã mở phiên hòa giải để động viên cho anh chị hàn gắn quan hệ nhưng chị không dự và tự ý bỏ về. Chị T cho rằng, giữa anh chị không có mâu thuẫn, anh L xin ly hôn là do bị người khác ép buộc nhưng chị không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã động viên, phân tích để anh L hàn gắn với chị T nhưng anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh Phan Bé L được ly hôn với chị Trần Thị Thùy T.

[4]. Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung Phan Thị Ng D (nữ), sinh ngày 17/7/2004 và cháu Phan Thị K D (nữ), sinh ngày 07/9/2014.

4.1. Về nuôi dưỡng con chung: Phía anh L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng D và cháu K D. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh L, Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, việc nuôi con chung phải phù hợp với điều kiện, sự ổn định về tâm lý của con trẻ, bao đảm điều kiện tốt nhất cho các cháu. Qua quá trình tố tụng, đối với cháu Ng D đã trên 07 tuổi, tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu tại biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 6 năm 2017 (BL: 24), cháu có nguyện vọng muốn được sống với cha. Đối với cháu K D, tuy chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng từ khi cháu được 06 tháng tuổi, anh L là người trực tiếp nuôi cháu cho đến nay. Mặt khác, chị T hiện tại, không có chỗ ở ổn định, thường xuyên đi làm ăn xa nên không có điều kiện để chăm sóc cho cháu K D

tốt hơn anh L. Nên yêu cầu được nuôi con chung của chị T không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

4.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Anh Phan Bé L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Châu Thành A là có căn cứ đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81. Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phan Bé L được ly hôn với chị Trần Thị Thùy T.

2. Về con chung: Giao Phan Thị Ng D (nữ), sinh ngày 17/7/2004 và cháu Phan Thị K D (nữ), sinh ngày 07/9/2014 cho anh Phan Bé L được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thùy T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Trần Thị Thùy T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Phan Bé L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh L đã đóng theo biên lai số 0010878 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19 tháng 7 năm 2017. Chị Trần Thị

Thùy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND thị trấn Rạch Gòi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THA huyện Châu Thành A;
- UBND TT RG
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mạc Thị Chiên